

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 58/2019/DS-ST
Ngày 15 tháng 10 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Liệt.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 242/2019/TLST-DS ngày 16/7/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị B, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số 442/1/25/1D đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Tuyết L, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 442/1/25C4 đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *(có mặt)*

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- 3.1 Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1961 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 442/1/25/1D đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- 3.2 Ông Vũ Trí Th, sinh năm: 1954 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 442/1/25C4 đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Hà Thị B trình bày:

Bà B và bà L là hàng xóm của nhau. Bà L cần tiền nên có vay bà B tổng số tiền là 41.000.000đ, cụ thể các lần vay như sau: Ngày 06/8/2016 vay 5.000.000đ; ngày 17/8/2016 vay 5.000.000đ; ngày 21/8/2016 vay 5.000.000đ và ngày 26/8/2016 vay 5.000.000đ, tổng 04 lần vay này là 20.000.000đ và ngày 26/8/2016 bà L viết “Giấy vay tiền” xác nhận vay số tiền nêu trên, không thỏa thuận về thời hạn vay; Ngày 20/10/2016, bà L vay số tiền là 5.000.000đ và viết “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016, thời hạn vay 02 tháng tính từ ngày vay; Ngày 09/12/2016 bà L vay số tiền là 5.000.000đ và viết “Giấy vay tiền” ngày 09/12/2016, không thỏa thuận về thời hạn vay; Ngày 18/12/2016, bà L vay số tiền là 6.000.000đ và viết “Giấy vay tiền” ngày 18/12/2016, thỏa thuận thời hạn vay là cuối năm sẽ trả và ngày 20/12/2016, bà L vay số tiền là 5.000.000đ, có viết “Giấy vay tiền” ngày 20/12/2016, thời hạn vay đến tháng 03/2017 trả. Các “Giấy vay tiền” và “Giấy mượn tiền” nêu trên đều do bà L viết, ký tên và không thể hiện lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 2%/tháng. Từ khi vay đến nay bà L chưa trả tiền gốc cho bà B, về lãi suất bà L đã đóng lãi đối với tổng số tiền vay là 41.000.000đ kể từ khi vay đến tháng 7/2017.

Số tiền 41.000.000đ bà B cho bà L vay là tiền chung của vợ chồng bà B và ông Nguyễn Đình T. Bà B cho cá nhân bà L vay riêng, chồng bà L là ông Vũ Trí Th không biết khoản vay này, ông Th không liên quan đến việc bà B cho bà L vay tiền, bà B không yêu cầu ông Th phải liên đới trả số tiền nợ nêu trên cho bà B. Bà B đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền vay nêu trên nhưng bà L không trả nên bà B khởi kiện yêu cầu bà L trả tổng số tiền 41.000.000đ cho bà B.

Nay bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà B, ông T toàn bộ số tiền nợ gốc là 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng) theo các “Giấy vay tiền” ngày 26/8/2016, 09/12/2016, 18/12/2016, 20/12/2016 và “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016; Bà B không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi suất vay đối với số tiền nợ gốc là 41.000.000đ.

(Bl 09 tập 01; Bl 20, 22 đến 25 tập 2; Bl 37, 38 tập 5 và Biên bản phiên tòa).

2. Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Tuyết L trình bày:

Bà L và bà B là hàng xóm của nhau. Do cần tiền nên bà L vay tiền của bà B, vay nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 06/8/2016 vay 5.000.000đ; ngày 17/8/2016 vay 5.000.000đ; ngày 21/8/2016 vay 5.000.000đ và ngày 26/8/2016 vay 5.000.000đ, tổng 04 lần vay này là 20.000.000đ và ngày 26/8/2016 bà L viết “Giấy vay tiền” xác nhận vay số tiền nêu trên, không thỏa thuận về thời hạn vay; Ngày 20/10/2016, bà L vay số tiền là 5.000.000đ và viết “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016, thời hạn vay 02 tháng tính từ ngày vay; Ngày 09/12/2016 bà L vay số tiền là 5.000.000đ và viết “Giấy vay tiền” ngày 09/12/2016, không thỏa thuận về thời hạn vay; Ngày 18/12/2016, bà L vay số tiền là 6.000.000đ và viết “Giấy vay tiền” ngày 18/12/2016, thỏa thuận thời hạn vay là cuối năm sẽ trả và ngày 20/12/2016, bà L vay số tiền là

5.000.000đ, có viết “Giấy vay tiền” ngày 20/12/2016, thời hạn vay đến tháng 03/2017 trả. Cả năm “Giấy vay tiền” và “Giấy mượn tiền” nêu trên đều do bà L viết, ký tên và không thể hiện lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 15%/ tháng, 30%/ ngày. Bà L phải trả hai mức lãi suất này trên số tiền vay. Bà L đã trả lãi cho bà B đến hết tháng 4/2017, từ tháng 5/2017 đến nay không trả lãi nữa. Tuy nhiên, bà L không có chứng cứ chứng minh việc hai bên thỏa thuận bằng miệng và bà L đã đóng lãi suất là 15%/ tháng, 30%/ngày đối với số tiền vay.

Từ khi vay đến nay bà L đã trả cho bà B số tiền nợ gốc là 5.000.000đ nhưng bà L không nhớ là trả cho khoản vay nào trong số các khoản vay 5.000.000đ theo các giấy vay, mượn tiền nêu trên. Bà L trả số tiền 5.000.000đ thì đưa trực tiếp cho bà B không có lập giấy tờ về việc trả tiền và cũng không có ai làm chứng nên không có chứng cứ để chứng minh là bà L đã trả số tiền 5.000.000đ cho bà L. Do đó, bà L thừa nhận còn nợ bà B tổng số tiền vay là 41.000.000đ theo các “Giấy vay tiền” ngày 26/8/2016, 09/12/2016, 18/12/2016, 20/12/2016 và “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016. Bà L không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đã đóng cho bà B theo lãi suất quy định pháp luật.

Số tiền 41.000.000đ bà L vay của bà B với mục đích tiêu xài cá nhân và trả nợ cho những người khác trước đó. Bà L vay tiền của bà B thì chồng bà L là ông Vũ Trí Th không biết, ông Th không liên quan đến việc bà L vay tiền của bà B. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà B thì bà L đồng ý trả tổng số tiền vay là 41.000.000đ cho bà B.

(Bl 26 tập 1; Bl 37, 38 tập 5 và Biên bản phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông T và bà B là vợ chồng. Khi bà B cho bà L vay tổng số tiền là 41.000.000đ theo các “Giấy vay tiền” ngày 26/8/2016, 09/12/2016, 18/12/2016, 20/12/2016 và “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016 thì ông T không biết, nhưng sau này bà B có nói cho ông T biết là bà B cho bà L vay tổng số tiền là 41.000.000đ, lãi suất là 2%/tháng. Số tiền 41.000.000đ bà B cho bà L vay là tiền chung của vợ chồng ông T, bà B. Nay ông T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B buộc bà L trả số tiền vay là 41.000.000đ, không yêu cầu bà L trả lãi vay. (Bl 31 tập 4)

- Ông Vũ Trí Th trình bày: Ông Th và bà L là vợ chồng. Việc bà L vay tổng số tiền là 41.000.000đ của bà B thì ông Th không biết và số tiền bà L vay sử dụng vào việc gì thì Ông không biết, nhưng bà L không mang số tiền đó về để sử dụng sinh hoạt trong gia đình cũng như không sử dụng vào bất cứ việc gì trong gia đình, nên việc bà L vay tiền của bà B nêu trên không liên quan đến ông Th và ông Th không đồng ý trả số tiền 41.000.000đ mà bà L vay của bà B. (Bl 34 tập 4)

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Tại phiên tòa bà L thừa nhận có vay và hiện nay còn nợ bà B số tiền là 41.000.000đ . Bà

B và chồng là ông T đều thừa nhận số tiền bà L vay là tài sản chung của vợ chồng bà B, ông T nên yêu cầu bà L trả số tiền vay là 41.000.000đ cho bà B, ông T và không yêu cầu bà L trả lãi suất vay là có căn cứ và phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B buộc bị đơn bà L trả số tiền vay là 41.000.000đ cho bà B, ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà B khởi kiện bà Nguyễn Tuyết L có địa chỉ tại số 442/1/25C4 đường G, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà B yêu cầu bà L trả số tiền vay nên đây là quan hệ về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T và ông Vũ Trí Th có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên tiến hành giải quyết vắng mặt ông T, ông Th theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu: Bà B cho bà L vay tổng số tiền là 41.000.000đ có viết “Giấy vay tiền” ngày 26/8/2016, 09/12/2016, 18/12/2016, 20/12/2016 và “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016. Đến ngày 09/7/2019 bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả tiền vay nêu trên là vẫn còn thời hiệu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu bà L trả tổng số tiền vay là 41.000.000đ thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà L thừa nhận có vay của bà B tổng số tiền là 41.000.000đ, vay nhiều lần cụ thể là: Ngày 06/8/2016 vay 5.000.000đ; ngày 17/8/2016 vay 5.000.000đ; ngày 21/8/2016 vay 5.000.000đ và ngày 26/8/2016 vay 5.000.000đ, tổng 04 lần vay này là 20.000.000đ và ngày 26/8/2016 bà L viết “Giấy vay tiền” xác nhận vay số tiền nêu trên, không thỏa thuận về thời hạn vay; Ngày 20/10/2016, bà L vay số tiền là 5.000.000đ và viết “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016, thời hạn vay 02 tháng tính từ ngày vay; Ngày 09/12/2016 bà L vay số tiền là 5.000.000đ và viết “Giấy vay tiền” ngày 09/12/2016, không thỏa thuận về thời hạn vay; Ngày 18/12/2016, bà L vay số tiền là 6.000.000đ và viết “Giấy vay tiền” ngày 18/12/2016, thỏa thuận thời hạn vay là cuối năm sẽ trả và ngày 20/12/2016, bà L vay số tiền là 5.000.000đ, có viết “Giấy vay tiền” ngày 20/12/2016, thời hạn vay đến tháng 03/2017 trả. Cả năm “Giấy vay tiền” và “Giấy mượn tiền” nêu trên bà L thừa nhận do chính bà L viết, ký tên và hiện nay đang do bà B giữ bản chính. Như vậy, việc bà L vay và còn nợ bà B tổng số tiền là 41.000.000đ như bà L thừa nhận là đúng với yêu cầu khởi kiện của bà B cũng như đúng với chứng cứ mà bà B cung cấp là các “Giấy vay tiền” ngày 26/8/2016, 09/12/2016, 18/12/2016, 20/12/2016 và “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016. Ngoài

ra, số tiền 41.000.000đ bà B cho bà L vay là tiền chung của vợ chồng bà B, ông T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà B buộc bà L trả tổng số tiền vay là 41.000.000đ cho bà B, ông T là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các vấn đề khác:

[4.1] Cả bà B và bà L đều xác nhận số tiền bà L vay nêu trên là một mình cá nhân bà L vay để sử dụng việc riêng của bà L không liên quan đến ông Vũ Trí Th là chồng bà L và bà B chỉ cho mình bà L vay không cho ông Th vay, ông Th không biết việc bà B cho bà L vay tiền, đồng thời bà B không yêu cầu ông Th phải trả số tiền vay nêu trên cùng với bà L. Xét thấy nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu ông Th phải có trách nhiệm trả số tiền bà L vay cho bà B và ông Th không liên quan đến khoản tiền vay nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Th.

[4.2] Về lãi suất: Đối với số tiền vay 41.000.000đ thì trong các “Giấy vay tiền” ngày 26/8/2016, 09/12/2016, 18/12/2016, 20/12/2016 và “Giấy mượn tiền” ngày 20/10/2016 không thỏa thuận về lãi suất vay, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không thống nhất về lãi suất vay. Đồng thời, trong vụ án này các đương sự không yêu cầu giải quyết về lãi suất vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B được chấp nhận là 2.050.000đ (41.000.000đ x 5%). Tuy nhiên, xét “Đơn xin miễn án phí” ngày 15/10/2019 của bà L thì thấy bà L sinh năm 1959 đã 60 tuổi là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 467 Bộ luật dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị B đối với bị đơn bà Nguyễn Tuyết L.

Buộc bà Nguyễn Tuyết L phải trả cho bà Hà Thị B, ông Nguyễn Đình T số tiền nợ gốc là 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Tuyết L được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Hà Thị B là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0001001 ngày 16/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng

